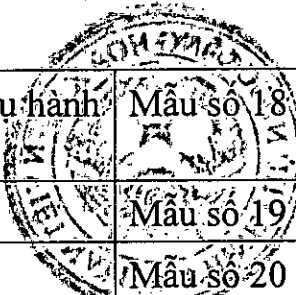




Phụ lục
MỤC MẪU LỜI CHỨNG, MẪU SỔ CHỨNG THỰC
(Kèm theo Nghị định số 280/2025/NĐ-CP
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Tên giấy tờ	Ký hiệu
1.	Lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính	Mẫu số 01
2.	Lời chứng chứng thực chữ ký của một người trong một giấy tờ, văn bản	Mẫu số 02
3.	Lời chứng chứng thực chữ ký của một người trong một giấy tờ, văn bản tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Mẫu số 03
4.	Lời chứng chứng thực chữ ký, điểm chỉ của nhiều người trong một giấy tờ, văn bản	Mẫu số 04
5.	Lời chứng chứng thực chữ ký, điểm chỉ của nhiều người trong một giấy tờ, văn bản tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Mẫu số 05
6.	Lời chứng chứng thực điểm chỉ	Mẫu số 06
7.	Lời chứng chứng thực trong trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, điểm chỉ được	Mẫu số 07
8.	Lời chứng chứng thực chữ ký người dịch	Mẫu số 08
9.	Lời chứng chứng thực giao dịch	Mẫu số 09
10.	Lời chứng chứng thực giao dịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Mẫu số 10
11.	Lời chứng chứng thực văn bản phân chia di sản	Mẫu số 11
12.	Lời chứng chứng thực văn bản phân chia di sản tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Mẫu số 12
13.	Lời chứng chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Mẫu số 13
14.	Lời chứng chứng thực văn bản từ chối nhận di sản trong trường hợp có từ hai người trở lên cùng từ chối nhận di sản	Mẫu số 14
15.	Lời chứng chứng thực văn bản từ chối nhận di sản trong trường hợp một người từ chối nhận di sản tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Mẫu số 15
16.	Lời chứng chứng thực văn bản từ chối nhận di sản trong trường hợp có từ hai người trở lên cùng từ chối nhận di sản tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Mẫu số 16
17.	Lời chứng chứng thực di chúc	Mẫu số 17



18.	Lời chứng chứng thực di chúc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Mẫu số 18
19.	Sổ Chứng thực bản sao từ bản chính	Mẫu số 19
20.	Sổ Chứng thực chữ ký/chứng thực điểm chỉ	Mẫu số 20
21.	Sổ Chứng thực chữ ký người dịch	Mẫu số 21
22.	Sổ Chứng thực giao dịch	Mẫu số 22

Lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính¹

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực quyền số(1) - SCT/BS

Ngày tháng năm

Người thực hiện chứng thực ký,
ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

¹ Mẫu lời chứng dùng cho bản sao từ bản chính và bản sao điện tử từ bản chính.

**Lời chứng chứng thực chữ ký của một người trong một giấy tờ,
văn bản**

Ngày.....tháng.....năm.....(Bằng chữ)(1)

Tại(2)

Tôi (3)....., là(4)

Chứng thực

Ông/bà (5) Giấy tờ tùy thân (6) số cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và đã ký vào giấy tờ, văn bản này trước mặt tôi.

Số chứng thực quyền số(7) - SCT/CK, ĐC

Người thực hiện chứng thực ký,
ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở thì ghi rõ thời gian (giờ, phút), ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.

(2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực thì ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực ngoài trụ sở.

(3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.

(4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực.

(5) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.

(6) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.

(7) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

**Lời chứng chứng thực chữ ký của một người trong một giấy tờ,
văn bản tại Trung tâm Phục vụ hành chính công¹**

Ngày.....tháng.....năm.....(Bằng chữ)(1)

Tại(2)

Tôi (3)....., là(4)

Chứng thực

Ông/bà (5) Giấy tờ tùy thân (6) số..... cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và đã ký vào giấy tờ, văn bản này trước mặt ông/bà là người tiếp nhận hồ sơ.

Số chứng thực quyền số(7) - SCT/CK, ĐC

Người tiếp nhận hồ sơ ký,
ghi rõ họ, tên

Người thực hiện chứng thực
ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.
- (2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực.
- (3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.
- (4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan thực hiện chứng thực.
- (5) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.
- (6) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.
- (7) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

¹ Biểu mẫu này cũng được áp dụng cho Cơ quan đại diện. Trường hợp áp dụng biểu mẫu cho Cơ quan đại diện thì cơ quan áp dụng có thể điều chỉnh lại tên biểu mẫu cho phù hợp với địa điểm thực hiện chứng thực.

**Lời chứng chứng thực chữ ký, điểm chỉ của nhiều người trong một
giấy tờ, văn bản**

Ngày.....tháng.....năm.....(Bằng chữ)(1)

Tại(2)

Tôi (3)....., là(4)

Chúng thực

Các ông/bà có tên sau đây:

1. Ông/bà(5) Giấy tờ tùy thân (6) số.....

2. Ông/bà(5) Giấy tờ tùy thân (6) số.....

Các ông/bà có tên trên cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và đã cùng ký (7) vào giấy tờ, văn bản này trước mặt tôi.

Số chứng thực quyền số(8) - SCT/CK, ĐC

Người thực hiện chứng thực
ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở thì ghi rõ thời gian (giờ, phút), ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.

(2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực thì ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực ngoài trụ sở.

(3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.

(4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực.

(5) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.

(6) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.

(7) Trường hợp tất cả người yêu cầu chứng thực cùng ký thì ghi là “ký”; trường hợp tất cả người yêu cầu chứng thực cùng điểm chỉ thì ghi là “điểm chỉ”. Trường hợp nhiều người, trong đó có người ký, có người điểm chỉ vào giấy tờ, văn bản thì ghi là cùng “ký và điểm chỉ”.

(8) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

Lời chứng thực chữ ký, điểm chỉ của nhiều người trong một giấy tờ, văn bản tại Trung tâm Phục vụ hành chính công¹

Ngày.....tháng.....năm.....(Bằng chữ)(1)

Tại(2)

Tôi (3)....., là(4)

Chúng thực

Các ông/bà có tên sau đây:

1. Ông/bà (5) Giấy tờ tùy thân (6) số.....

2. Ông/bà(5) Giấy tờ tùy thân (6) số.....

Các ông/bà có tên trên cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và đã cùng ký (7) vào giấy tờ, văn bản này trước mặt ông/bà là người tiếp nhận hồ sơ.

Số chứng thực quyền số(8) - SCT/CK, ĐC

Người tiếp nhận hồ sơ ký,
ghi rõ họ, tên

Người thực hiện chứng thực
ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.

(2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực.

(3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.

(4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực.

(5) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.

(6) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.

(7) Trường hợp tất cả người yêu cầu chứng thực cùng ký thì ghi là “ký”; trường hợp tất cả người yêu cầu chứng thực cùng điểm chỉ thì ghi là “điểm chỉ”. Trường hợp nhiều người, trong đó có người ký, có người điểm chỉ vào giấy tờ, văn bản thì ghi là cùng “ký và điểm chỉ”.

(8) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

¹ Biểu mẫu này cũng được áp dụng cho Cơ quan đại diện. Trường hợp áp dụng biểu mẫu cho Cơ quan đại diện thì cơ quan áp dụng có thể điều chỉnh lại tên biểu mẫu cho phù hợp với địa điểm thực hiện chứng thực.

Lời chứng chứng thực điểm chỉ

Ngày..... tháng..... năm..... (Bằng chữ.....) (1)

Tại(2)

Tôi (3)....., là(4)

Chứng thực

Ông/bà..... (5) Giấy tờ tùy thân (6) số....., cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản và đã điểm chỉ vào giấy tờ, văn bản này trước mặt tôi.

Số chứng thực quyền số(7)- SCT/CK, ĐC

Người thực hiện chứng thực
ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở thì ghi rõ thời gian (giờ, phút), ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.

(2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực thì ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực ngoài trụ sở.

(3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.

(4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực.

(5) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.

(6) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.

(7) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

**Lời chứng chứng thực trong trường hợp người yêu cầu chứng thực
không thể ký, điểm chỉ được**

Ngày.....tháng.....năm.....(Bằng chữ.....) (1)

Tại.....(2)

Tôi (3)....., là(4)

Chứng thực

Ông/bà..... (5) Giấy tờ tùy thân (6) số....., không thể ký, điểm chỉ được nhưng cam đoan đã hiểu, tự chịu trách nhiệm về nội dung của giấy tờ, văn bản này.

Số chứng thực quyền số(7) - SCT/CK, ĐC

Người thực hiện chứng thực
ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở thì ghi rõ thời gian (giờ, phút), ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.

(2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực thì ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực ngoài trụ sở.

(3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.

(4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực.

(5) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.

(6) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.

(7) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

Lời chứng chứng thực chữ ký người dịch

Tôi..... Giấy tờ tùy thân (1) số....., cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng..... sang tiếng.....

Ngày tháng năm

Người dịch ký và ghi rõ họ tên

Ngày tháng năm

(Bằng chữ) (2)

Tại (3).

Tôi (4)....., là (5)

Chứng thực

Ông/bà (6) là người đã ký vào từng trang bản dịch này trước mặt tôi. (7)

Văn bản chứng thực này được lập thành bản gốc (mỗi bản gốc gồm tờ,trang), lưu 01 (một) bản gốc tại.....

Số chứng thực quyển số(8) -SCT/CKND

Người thực hiện chứng thực
ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.

(2) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.

(3) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực.

(4) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.

(5) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực.

(6) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.

(7) Trường hợp đã đăng ký chữ ký mẫu, thì bỏ cụm từ “trước mặt tôi”. Nếu người dịch là cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký chữ ký mẫu thì bổ sung nội dung: “Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã (ghi đầy đủ tên của Ủy ban nhân dân cấp xã) hoặc tổ chức hành nghề công chứng (ghi đầy đủ tên của tổ chức hành nghề công chứng)”.

(8) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

Lời chứng chứng thực giao dịch

Ngày.....tháng.....năm.....(Bằng chữ)(1)

Tại(2)

Tôi (3)....., là(4)

Chứng thực

- Giao dịch (5)..... được giao kết giữa:

Bên A: Ông/bà:(6)

Giấy tờ tùy thân (7) số.....

Bên B: Ông/bà:(6)

Giấy tờ tùy thân (7) số.....

- Các bên tham gia giao dịch đã cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của giao dịch.

- Tại thời điểm chứng thực, các bên tham gia giao dịch minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình; tự nguyện thỏa thuận giao kết giao dịch và đã ký (8) vào giao dịch này trước mặt tôi.

(*)

(**)

Giao dịch này được lập thành bản gốc (mỗi bản gốc gồm tờ,trang), cấp cho:

+ bản gốc;

+ bản gốc;

Lưu tại 01 (một) bản gốc.

Số chứng thực quyển số(9) -SCT/GD

Người thực hiện chứng thực ký
ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở thì ghi rõ thời gian (giờ, phút), ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.

(2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực thì ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực ngoài trụ sở.

(3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.

(4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực.

(5) Ghi rõ tên của giao dịch được chứng thực.

(6) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.

(7) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.

(8) Nếu ký thì ghi “ký”, nếu điểm chỉ thì ghi “điểm chỉ”, nếu ký và điểm chỉ thì ghi “ký và điểm chỉ”.

(9) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

(*) Nếu trường hợp có người làm chứng thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người làm chứng, lý do phải có người làm chứng, người làm chứng do người yêu cầu chứng thực mời hay do người thực hiện chứng thực chỉ định vì người yêu cầu chứng thực không mời được người làm chứng; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người làm chứng, người làm chứng có đủ điều kiện để làm chứng theo quy định của pháp luật, đã trực tiếp chứng kiến việc chứng thực; người làm chứng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình, đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

(**) Nếu trường hợp có người phiên dịch thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người phiên dịch, lý do phải có người phiên dịch; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người phiên dịch; người phiên dịch có đủ điều kiện làm người phiên dịch theo quy định của pháp luật, đã dịch đầy đủ, chính xác nội dung của giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực; người phiên dịch cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phiên dịch của mình; người phiên dịch đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

**Lời chứng chứng thực giao dịch
tại Trung tâm Phục vụ hành chính công**

Ngày.....tháng.....năm.....(Bằng chữ.....) (1)

Tại(2)

Tôi (3)....., là (4)

Chúng thực

- Giao dịch (5) được giao kết giữa:

Bên A: Ông/bà:(6)

Giấy tờ tùy thân (7) số

Bên B: Ông/bà:(6)

Giấy tờ tùy thân (7) số

- Các bên tham gia giao dịch cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của giao dịch.

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, các bên tham gia giao dịch minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình; tự nguyện thỏa thuận giao kết giao dịch và đã ký (8) vào giao dịch này trước mặt ông/bà..... là người tiếp nhận hồ sơ.

(*)

(**)

Giao dịch này được lập thành bản gốc (mỗi bản gốc gồm tờ,trang), cấp cho:

+ bản gốc;

+ bản gốc;

Lưu tại (9)..... 01 (một) bản gốc.

Số chứng thực quyền số (10) -SCT/GD

Người tiếp nhận hồ sơ ký,
ghi rõ họ, tên

Người thực hiện chứng thực ký,
ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.

(2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực.

(3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.

(4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan thực hiện chứng thực.

(5) Ghi rõ tên của giao dịch được chứng thực.

(6) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.

(7) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.

(8) Nếu ký thì ghi “ký”, nếu điểm chỉ thì ghi “điểm chỉ”, nếu ký và điểm chỉ thì ghi “ký và điểm chỉ”.

(9) Ghi đầy đủ tên của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện chứng thực.

(10) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

(*) Nếu trường hợp có người làm chứng thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người làm chứng, lý do phải có người làm chứng, người làm chứng do người yêu cầu chứng thực mời hay do người thực hiện chứng thực chỉ định vì người yêu cầu chứng thực không mời được người làm chứng; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người làm chứng, người làm chứng có đủ điều kiện để làm chứng theo quy định của pháp luật, đã trực tiếp chứng kiến việc chứng thực; người làm chứng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình, đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

(**) Nếu trường hợp có người phiên dịch thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người phiên dịch, lý do phải có người phiên dịch; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người phiên dịch; người phiên dịch có đủ điều kiện làm người phiên dịch theo quy định của pháp luật, đã dịch đầy đủ, chính xác nội dung của giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực; người phiên dịch cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phiên dịch của mình; người phiên dịch đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

Lời chứng chứng thực văn bản phân chia di sản

Ngày tháng năm

(Bằng chữ) (1)

Tại(2).

Tôi (3).....,là (4)

Chứng thực

Văn bản phân chia di sản được lập bởi các ông/bà có tên sau đây:

1. Ông/bà(5) Giấy tờ tùy thân (6) số

2. Ông/bà (5) Giấy tờ tùy thân (6) số

3. Ông/bà(5) Giấy tờ tùy thân (6) số

- Các ông/bà có tên trên đã cam đoan không bỏ sót người thừa kế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản phân chia di sản.

- Tại thời điểm chứng thực, những người phân chia di sản minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện phân chia di sản và đã cùng ký (7) vào văn bản phân chia di sản này trước mặt tôi.

(*)

(**)

Văn bản phân chia di sản này được lập thành bản gốc (mỗi bản gốc gồm..... tờ,trang), cấp cho:

+bản;

+bản;

+bản;

Lưu tại01 (một) bản.

Số chứng thực quyển số (8) -SCT/GD

Người thực hiện chứng thực
ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở thì ghi rõ thời gian (giờ, phút), ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.

(2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực thì ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực ngoài trụ sở.

(3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.

(4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực.

(5) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.

(6) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.

(7) Nếu ký thì ghi “ký”, nếu điểm chỉ thì ghi “điểm chỉ”, nếu ký và điểm chỉ thì ghi “ký và điểm chỉ”.

(8) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

(*) Nếu trường hợp có người làm chứng thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người làm chứng, lý do phải có người làm chứng, người làm chứng do người yêu cầu chứng thực mời hay do người thực hiện chứng thực chỉ định vì người yêu cầu chứng thực không mời được người làm chứng; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người làm chứng, người làm chứng có đủ điều kiện để làm chứng theo quy định của pháp luật, đã trực tiếp chứng kiến việc chứng thực; người làm chứng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình, đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

(**) Nếu trường hợp có người phiên dịch thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người phiên dịch, lý do phải có người phiên dịch; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người phiên dịch; người phiên dịch có đủ điều kiện làm người phiên dịch theo quy định của pháp luật, đã dịch đầy đủ, chính xác nội dung của giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực; người phiên dịch cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phiên dịch của mình; người phiên dịch đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

**Lời chứng chứng thực văn bản phân chia di sản
tại Trung tâm Phục vụ hành chính công**

Ngày.....tháng.....năm.....(Bằng chữ.....) (1)

Tại(2)

Tôi (3)....., là(4)

Chứng thực

- Văn bản phân chia di sản được lập bởi:

1. Ông/bà (5) Giấy tờ tùy thân (6) số.....

2. Ông/bà (5) Giấy tờ tùy thân (6) số.....

- Các ông/bà có tên trên cam đoan không bỏ sót người thừa kế và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản phân chia di sản.

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, người phân chia di sản mình muốn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện phân chia di sản và đã ký (7) vào văn bản phân chia di sản này trước mặt ông/bà..... là người tiếp nhận hồ sơ.

(*)

(**)

Văn bản phân chia di sản này được lập thành bản gốc (mỗi bản gốc gồm..... tờ,trang), cấp cho:

+bản;

+bản;

+bản;

Lưu tại (8) 01 (một) bản.

Số chứng thực quyền số (9) -SCT/GD

Người tiếp nhận hồ sơ ký,
ghi rõ họ, tên

Người thực hiện chứng thực ký,
ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.

(2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực.

(3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.

(4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực.

(5) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.

(6) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.

(7) Nếu ký thì ghi “ký”, nếu điểm chỉ thì ghi “điểm chỉ”, nếu ký và điểm chỉ thì ghi “ký và điểm chỉ”.

(8) Ghi đầy đủ tên của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện chứng thực.

(9) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

(*) Nếu trường hợp có người làm chứng thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người làm chứng, lý do phải có người làm chứng, người làm chứng do người yêu cầu chứng thực mời hay do người thực hiện chứng thực chỉ định vì người yêu cầu chứng thực không mời được người làm chứng; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người làm chứng, người làm chứng có đủ điều kiện để làm chứng theo quy định của pháp luật, đã trực tiếp chứng kiến việc chứng thực; người làm chứng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình, đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

(**) Nếu trường hợp có người phiên dịch thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người phiên dịch, lý do phải có người phiên dịch; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người phiên dịch; người phiên dịch có đủ điều kiện làm người phiên dịch theo quy định của pháp luật, đã dịch đầy đủ, chính xác nội dung của giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực; người phiên dịch cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phiên dịch của mình; người phiên dịch đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

Lời chứng chứng thực văn bản từ chối nhận di sản

Ngày.....tháng.....năm..... (Bằng chữ)(1)

Tại (2).

Tôi (3), là (4)

Chứng thực

- Văn bản từ chối nhận di sản này được lập bởi ông/bà(5)

Giấy tờ tùy thân (6) số.....;

- Ông/bà(5) đã cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản từ chối nhận di sản.

- Tại thời điểm chứng thực, ông/bà(5) minh mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện từ chối nhận di sản và đã ký (7) vào văn bản từ chối nhận di sản này trước mặt tôi.

(*)

(**)

Văn bản từ chối nhận di sản này được lập thành bản gốc (mỗi bản gốc gồm ... tờ,trang), giao cho người từ chối nhận di sản ... bản; lưu tại01 (một) bản.

Số chứng thực quyển số(8) -SCT/GD

Người thực hiện chứng thực
ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở thì ghi rõ thời gian (giờ, phút), ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.

(2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực thì ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực ngoài trụ sở.

(3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.

(4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực.

(5) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.

(6) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.

(7) Nếu ký thì ghi “ký”, nếu điểm chỉ thì ghi “điểm chỉ”, nếu ký và điểm chỉ thì ghi “ký và điểm chỉ”.

(8) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

(*) Nếu trường hợp có người làm chứng thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người làm chứng, lý do phải có người làm chứng, người làm chứng do người yêu cầu chứng thực mời hay do người thực hiện chứng thực chỉ định vì người yêu cầu chứng thực không mời được người làm chứng; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người làm chứng, người làm chứng có đủ điều kiện để làm chứng theo

quy định của pháp luật, đã trực tiếp chứng kiến việc chứng thực; người làm chứng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình, đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

(**) Nếu trường hợp có người phiên dịch thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người phiên dịch, lý do phải có người phiên dịch; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người phiên dịch; người phiên dịch có đủ điều kiện làm người phiên dịch theo quy định của pháp luật, đã dịch đầy đủ, chính xác nội dung của giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực; người phiên dịch cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phiên dịch của mình; người phiên dịch đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

**Lời chứng chứng thực văn bản từ chối nhận di sản trong trường hợp
có từ hai người trở lên cùng từ chối nhận di sản**

Ngàytháng năm(Bằng chữ)(1)

Tại.....(2).

Tôi (3)....., là (4)

Chứng thực

- Văn bản từ chối nhận di sản này được lập bởi các ông/bà có tên sau:

1. Ông/bà(5) Giấy tờ tùy thân (6) số.....

2. Ông/bà(5) Giấy tờ tùy thân (6) số.....

- Các ông/bà có tên trên cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản từ chối nhận di sản.

- Tại thời điểm chứng thực, những người từ chối nhận di sản mình miễn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện từ chối nhận di sản và đã cùng ký (7) vào văn bản từ chối nhận di sản này trước mặt tôi.

(*)

(**)

Văn bản từ chối nhận di sản này được lập thành bản gốc (mỗi bản gốc gồm ... tờ,trang), giao cho:

+bản;

+bản;

+bản;

Lưu tại 01 (một) bản.

Số chứng thực quyển số (8) -SCT/GD

Người thực hiện chứng thực
ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở thì ghi rõ thời gian (giờ, phút), ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.

(2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực thì ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực ngoài trụ sở.

(3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.

(4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực.

(5) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.

(6) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.

(7) Nếu ký thì ghi “ký”, nếu điểm chỉ thì ghi “điểm chỉ”, nếu ký và điểm chỉ thì ghi “ký và điểm chỉ”.

(8) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

(*) Nếu trường hợp có người làm chứng thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người làm chứng, lý do phải có người làm chứng, người làm chứng do người yêu cầu chứng thực mời hay do người thực hiện chứng thực chỉ định vì người yêu cầu chứng thực không mời được người làm chứng; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người làm chứng, người làm chứng có đủ điều kiện để làm chứng theo quy định của pháp luật, đã trực tiếp chứng kiến việc chứng thực; người làm chứng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình, đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

(**) Nếu trường hợp có người phiên dịch thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người phiên dịch, lý do phải có người phiên dịch; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người phiên dịch; người phiên dịch có đủ điều kiện làm người phiên dịch theo quy định của pháp luật, đã dịch đầy đủ, chính xác nội dung của giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực; người phiên dịch cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phiên dịch của mình; người phiên dịch đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

**Lời chứng chứng thực văn bản từ chối nhận di sản trong trường hợp
một người từ chối nhận di sản tại Trung tâm Phục vụ hành chính công**

Ngày.....tháng.....năm.....(Bằng chữ.....) (1)

Tại(2)

Tôi (3)....., là(4)

Chúng thực

- Văn bản từ chối nhận di sản này được lập bởi ông/bà(5) Giấy
tờ tùy thân (6) số.....

- Ông/bà(5) cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội
dung của văn bản từ chối nhận di sản.

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, ông/bàminh
mẫn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện từ chối nhận di sản
và đã ký (7) vào văn bản từ chối nhận di sản này trước mặt
ông/bà.....là người tiếp nhận hồ sơ.

(*)

(**)

Văn bản từ chối nhận di sản này được lập thànhbản gốc (mỗi bản gốc
gồmtờ,trang), giao cho người từ chối nhận di sảnbản; lưu tại
(8)..... 01 (một) bản.

Số chứng thựcquyển số.....(9) -SCT/GD

Người tiếp nhận hồ sơ ký,
ghi rõ họ, tên

Người thực hiện chứng thực ký,
ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.
- (2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực.
- (3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.
- (4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực.
- (5) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.
- (6) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.
- (7) Nếu ký thì ghi “ký”, nếu điểm chỉ thì ghi “điểm chỉ”, nếu ký và điểm chỉ thì ghi “ký và điểm chỉ”.
- (8) Ghi đầy đủ tên của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện chứng thực.
- (9) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

(*) Nếu trường hợp có người làm chứng thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người làm chứng, lý do phải có người làm chứng, người làm chứng do người yêu cầu chứng thực mời hay do người thực hiện chứng thực chỉ định vì người yêu cầu chứng thực không mời được người làm chứng; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người làm chứng, người làm chứng có đủ điều kiện để làm chứng theo quy định của pháp luật, đã trực tiếp chứng kiến việc chứng thực; người làm chứng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình, đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

(**) Nếu trường hợp có người phiên dịch thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người phiên dịch, lý do phải có người phiên dịch; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người phiên dịch; người phiên dịch có đủ điều kiện làm người phiên dịch theo quy định của pháp luật, đã dịch đầy đủ, chính xác nội dung của giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực; người phiên dịch cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phiên dịch của mình; người phiên dịch đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

**Lời chứng chứng thực văn bản từ chối nhận di sản trong trường hợp
có từ hai người trở lên cùng từ chối nhận di sản
tại Trung tâm Phục vụ hành chính công**

Ngày tháng năm(Bằng chữ)(1)

Tại(2)

Tôi (3), là(4)

Chứng thực

- Văn bản từ chối nhận di sản này được lập bởi các ông/bà có tên sau:

1. Ông/bà(5) Giấy tờ tùy thân (6) số.....

2. Ông/bà(5) Giấy tờ tùy thân (6) số.....

- Các ông/bà có tên trên cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản từ chối nhận di sản.

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, những người từ chối nhận di sản mình miễn, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện từ chối nhận di sản và đã cùng ký (7) vào văn bản từ chối nhận di sản này trước mặt ông/bà.....là người tiếp nhận hồ sơ.

(*)

(**)

Văn bản từ chối nhận di sản này được lập thànhbản gốc (mỗi bản gốc gồmtờ,trang), giao cho:

+bản;

+bản;

+bản;

Lưu tại (8)..... 01 (một) bản.

Số chứng thực quyển số(9) -SCT/GD

Người tiếp nhận hồ sơ ký,
ghi rõ họ, tên

Người thực hiện chứng thực ký,
ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.

(2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực.

(3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.

(4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực.

(5) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.

(6) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.

(7) Nếu ký thì ghi “ký”, nếu điểm chỉ thì ghi “điểm chỉ”, nếu ký và điểm chỉ thì ghi “ký và điểm chỉ”.

(8) Ghi đầy đủ tên của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện chứng thực.

(9) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

(*) Nếu trường hợp có người làm chứng thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người làm chứng, lý do phải có người làm chứng, người làm chứng do người yêu cầu chứng thực mời hay do người thực hiện chứng thực chỉ định vì người yêu cầu chứng thực không mời được người làm chứng; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người làm chứng, người làm chứng có đủ điều kiện để làm chứng theo quy định của pháp luật, đã trực tiếp chứng kiến việc chứng thực; người làm chứng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình, đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

(**) Nếu trường hợp có người phiên dịch thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người phiên dịch, lý do phải có người phiên dịch; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người phiên dịch; người phiên dịch có đủ điều kiện làm người phiên dịch theo quy định của pháp luật, đã dịch đầy đủ, chính xác nội dung của giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực; người phiên dịch cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phiên dịch của mình; người phiên dịch đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

Lời chứng chứng thực di chúc

Ngày.....tháng..... năm (Bằng chữ) (1)

Tại (2).

Tôi (3)....., là (4)

Chứng thực

- Ông/bà (5) Giấy tờ tùy thân (6) số..... đã tự nguyện lập di chúc này và đã cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của di chúc.

- Tại thời điểm chứng thực, ông/bà(5) minh mẫn, sáng suốt, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện lập di chúc và đã ký (7) vào di chúc này trước mặt tôi.

(*)

(**)

Di chúc này được lập thành bản gốc (mỗi bản gốc gồmtờ,trang); giao cho người lập di chúc bản; lưu tại UBND xã/phường/đặc khu 01 (một) bản.

Số chứng thực quyển số (8) -SCT/GD

Người thực hiện chứng thực
ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở thì ghi rõ thời gian (giờ, phút), ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.

(2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực. Đối với trường hợp chứng thực ngoài trụ sở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực thì ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực ngoài trụ sở.

(3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.

(4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực.

(5) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.

(6) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.

(7) Nếu ký thì ghi “ký”, nếu điểm chỉ thì ghi “điểm chỉ”, nếu ký và điểm chỉ thì ghi “ký và điểm chỉ”.

(8) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

(*) Nếu trường hợp có người làm chứng thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người làm chứng, lý do phải có người làm chứng, người làm chứng do người yêu cầu chứng thực mời hay do người thực hiện chứng thực chỉ định vì người yêu cầu chứng thực không mời được người làm chứng; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy

tờ tùy thân của người làm chứng, người làm chứng có đủ điều kiện để làm chứng theo quy định của pháp luật, đã trực tiếp chứng kiến việc chứng thực; người làm chứng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình, đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

(**) Nếu trường hợp có người phiên dịch thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người phiên dịch, lý do phải có người phiên dịch; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người phiên dịch; người phiên dịch có đủ điều kiện làm người phiên dịch theo quy định của pháp luật, đã dịch đầy đủ, chính xác nội dung của giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực; người phiên dịch cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phiên dịch của mình; người phiên dịch đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

**Lời chứng chứng thực di chúc
tại Trung tâm Phục vụ hành chính công**

Ngày.....tháng.....năm.....(Bằng chữ.....) (1)

Tại(2)

Tôi (3)....., là(4)

Chứng thực

- Ông/bà(5) Giấy tờ tùy thân (6) số.....
cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của di chúc.

- Tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu và chứng thực, ông/bà(5)
minh mẫn, sáng suốt, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, tự nguyện lập
di chúc và đã ký (7) vào di chúc này trước mặt ông/bà.....là người tiếp
nhận hồ sơ.

(*)

(**)

Di chúc này được lập thành.....bản gốc (mỗi bản gốc gồmtờ,trang);
giao cho người lập di chúcbản; lưu tại (8)..... 01 (một) bản.

Số chứng thực quyển số (9) -SCT/GD

Người tiếp nhận hồ sơ ký,
ghi rõ họ, tên

Người thực hiện chứng thực ký,
ghi rõ họ, tên và đóng dấu

Ghi chú:

(1) Ghi rõ ngày, tháng, năm thực hiện chứng thực.

(2) Ghi rõ địa điểm thực hiện chứng thực.

(3) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người thực hiện chứng thực.

(4) Ghi rõ chức danh của người thực hiện chứng thực, kèm theo tên cơ quan, tổ
chức thực hiện chứng thực.

(5) Ghi rõ họ, chữ đệm và tên của người yêu cầu chứng thực.

(6) Ghi rõ loại giấy tờ tùy thân là Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân
hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất
nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng.

(7) Nếu ký thì ghi “ký”, nếu điểm chỉ thì ghi “điểm chỉ”, nếu ký và điểm chỉ thì
ghi “ký và điểm chỉ”.

(8) Ghi đầy đủ tên của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện chứng thực.

(9) Ghi theo thông tin đã ghi tại bìa sổ chứng thực.

(*) Nếu trường hợp có người làm chứng thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người
phải có người làm chứng, lý do phải có người làm chứng, người làm chứng do người
yêu cầu chứng thực mời hay do người thực hiện chứng thực chỉ định vì người yêu cầu
chứng thực không mời được người làm chứng; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy

tờ tùy thân của người làm chứng, người làm chứng có đủ điều kiện để làm chứng theo quy định của pháp luật, đã trực tiếp chứng kiến việc chứng thực; người làm chứng cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc làm chứng của mình, đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

(**) Nếu trường hợp có người phiên dịch thì bổ sung các nội dung: Họ tên của người phải có người phiên dịch, lý do phải có người phiên dịch; họ tên, số và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ tùy thân của người phiên dịch; người phiên dịch có đủ điều kiện làm người phiên dịch theo quy định của pháp luật, đã dịch đầy đủ, chính xác nội dung của giao dịch, nội dung lời chứng cho người yêu cầu chứng thực; người phiên dịch cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc phiên dịch của mình; người phiên dịch đã ký vào từng trang của giao dịch trước sự chứng kiến của người thực hiện chứng thực.

Sổ Chứng thực bản sao từ bản chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ CHỨNG THỰC BẢN SAO TỪ BẢN CHÍNH

.....(A)

Quyển số (B):-SCT/BS

Mở ngày ... tháng ... năm ... (C)

Khóa ngày ... tháng ... năm ... (D)

Ghi chú:

- (A) Ghi đầy đủ tên cơ quan, tổ chức.
- (B) Ghi số quyển, năm thực hiện chứng thực. Nếu 01 (một) năm dùng nhiều sổ thì ghi số thứ tự liên tiếp; trường hợp 01 (một) sổ sử dụng cho nhiều năm thì ghi số thứ tự theo từng năm.
- (C) Ghi ngày, tháng năm mở sổ.
- (D) Ghi ngày, tháng, năm khóa sổ.

Nội dung sổ

Số thứ tự/số chứng thực	Ngày, tháng, năm chứng thực	Họ tên của người yêu cầu chứng thực	Tên của bản chính giấy tờ, văn bản	Họ tên, chức danh người ký chứng thực	Số lượng bản sao đã được chứng thực	Phí chứng thực	Bản sao điện tử từ bản chính	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Ghi chú:

- (4) Đối với bản chính giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài mà người thực hiện chứng thực không xác định được tên của bản chính giấy tờ, văn bản thì chỉ cần ghi theo ngôn ngữ của loại giấy tờ, văn bản đó.
- (8) Đối với trường hợp chứng thực bản sao điện tử từ bản chính thì đánh dấu (X).

Sổ Chứng thực chữ ký/chứng thực điểm chỉ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SỔ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ/CHỨNG THỰC ĐIỂM CHỈ**

.....(A)

Quyển số (B):-SCT/CK,ĐC

Mở ngày ... tháng ... năm ... (C)

Khóa ngày ... tháng ... năm ... (D)

Ghi chú:

- (A) Nếu là cơ quan thực hiện chứng thực thì ghi đầy đủ tên cơ quan, kèm theo địa giới hành chính, nếu là các tổ chức hành nghề công chứng thì ghi tên của Phòng công chứng, Văn phòng công chứng.

- (B) Ghi số quyển, năm thực hiện chứng thực. Nếu 01 (một) năm dùng nhiều sổ thì ghi số thứ tự liên tiếp; trường hợp 01 (một) sổ sử dụng cho nhiều năm thì ghi số thứ tự theo từng năm.

- (C) Ghi ngày, tháng năm mở sổ.

- (D) Ghi ngày, tháng, năm khóa sổ.

Nội dung sổ

Số thứ tự/số chứng thực	Ngày, tháng, năm chứng thực	Họ tên, số Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực	Tên của giấy tờ, văn bản đã chứng thực chữ ký/điểm chỉ	Họ tên, chức danh người ký chứng thực	Số lượng giấy tờ, văn bản đã được chứng thực chữ ký/điểm chỉ	Phí chứng thực	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- (4) Đối với bản chính giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài mà người thực hiện chứng thực không xác định được tên của bản chính giấy tờ, văn bản thì chỉ cần ghi theo khai báo của người yêu cầu chứng thực.

- (6) Thống kê theo số giấy tờ, văn bản mà người thực hiện chứng thực đã ký chứng thực (Ví dụ: Một loại giấy tờ, văn bản được lập thành 10 bản, người thực hiện chứng thực ký chứng thực trong 10 giấy tờ, văn bản đó thì số lượng giấy tờ, văn bản đã được chứng thực chữ ký là 10; 05 loại giấy tờ, văn bản khác nhau, mỗi loại được lập thành 01 bản, người thực hiện chứng thực ký chứng thực trong 05 loại giấy tờ, văn bản đó thì số lượng giấy tờ, văn bản đã được chứng thực chữ ký là 05; 10 người ký trong một giấy tờ, văn bản, người thực hiện chứng thực ký chứng thực trong giấy tờ, văn bản đó thì số lượng giấy tờ, văn bản đã được chứng thực chữ ký là 01).

Sổ Chứng thực chữ ký người dịch**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SỔ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ NGƯỜI DỊCH**

.....(A)

Quyển số (B):-SCT/CKND

Mở ngày ... tháng ... năm ... (C)

Khóa ngày ... tháng ... năm ... (D)

Ghi chú:

- (A) Nếu là cơ quan thực hiện chứng thực thì ghi đầy đủ tên cơ quan, kèm theo địa giới hành chính, nếu là các tổ chức hành nghề công chứng thì ghi tên của Phòng Công chứng, Văn phòng công chứng.

- (B) Ghi số quyển, năm thực hiện chứng thực. Nếu 01 (một) năm dùng nhiều sổ thì ghi số thứ tự liên tiếp; trường hợp 01 (một) sổ sử dụng cho nhiều năm thì ghi số thứ tự theo từng năm.

- (C) Ghi ngày, tháng năm mở sổ.

- (D) Ghi ngày, tháng, năm khóa sổ.

Nội dung sổ

Số thứ tự/số chứng thực	Ngày, tháng, năm chứng thực	Họ tên, số Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực	Tên của giấy tờ, văn bản đã được dịch	Dịch từ tiếng sang tiếng	Họ tên, chức danh người ký chứng thực	Số lượng bản dịch đã được chứng thực chữ ký	Phí chứng thực	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Sổ Chứng thực giao dịch**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SỔ CHỨNG THỰC GIAO DỊCH**

.....(A)

Quyển số (B):-SCT/GD

Mở ngày ... tháng ... năm ... (C)

Khóa ngày ... tháng ... năm ... (D)

Ghi chú:

- (A) Ghi đầy đủ tên cơ quan, kèm theo địa giới hành chính.
- (B) Ghi số quyển, năm thực hiện chứng thực. Nếu 01 (một) năm dùng nhiều sổ thì ghi số thứ tự liên tiếp; trường hợp 01 (một) sổ sử dụng cho nhiều năm thì ghi số thứ tự theo từng năm.
- (C) Ghi ngày, tháng năm mở sổ.
- (D) Ghi ngày, tháng, năm khóa sổ.

Nội dung sổ

Số thứ tự/số chứng thực	Ngày, tháng, năm chứng thực	Thông tin về người yêu cầu chứng thực (Họ tên, số Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ về tổ chức)	Tên giao dịch được chứng thực	Họ tên, chức danh người ký chứng thực	Phí chứng thực	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)